

Tên đơn vị : TRƯỜNG TIỂU HỌC CHI LĂNG
Mã QHNS: 1043444

BẢNG THANH TOÁN THU NHẬP TĂNG THÊM THEO NGHỊ QUYẾT 03/2018/NQ-HĐND
QUÝ 2 NĂM 2023

Số ngày làm việc bình thường trong tháng: 20 23 22 LCB: 1.490.000^d

STT	Họ tên	Chức vụ	Phân loại đánh giá	Tháng 04			Tháng 05			Tháng 06			Hệ số điều chỉnh thu nhập	Ngày làm việc thực tế			Số ngày loại trừ không tính TNTT	Thành tiền	Ghi chú	Ký tên xác nhận
				Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung	Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung	Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung		T04	T05	T06				
A	B	C	D	1	2	3,000	5,00	6	7	9,00	10	11	13	14	15	16	17	18		
1	ĐÀO THỊ HIỀN	Giáo viên-TTK4	HTXS	2,72	0,20	-	2,72	0,20	-	2,72	0,20	-	1,80	20	23	0	22	15.662.880		
2	ĐỖ PHÚC HỒNG NGỌC	Giáo viên	HTT	2,46	-	-	2,46	-	-	2,46	-	-	1,44	20	23	0	22	10.556.352		
3	ĐOÀN VŨ THANH NHÀN	Giáo viên -TTBM	HTXS	3,00	0,20	-	3,00	0,20	-	3,00	0,20	-	1,80	20	23	0	22	17.164.800		
4	DƯƠNG OANH OANH	Giáo viên	HTXS	4,98	-	-	4,98	-	-	4,98	-	-	1,80	20	23	0	22	26.712.720		
5	HOÀNG NỮ KIM HẰNG	Giáo viên-TPBM	HTT	2,72	0,15	-	2,72	0,15	-	2,72	0,15	-	1,44	20	23	0	22	12.315.744		
6	HOÀNG THỊ KIM CHI	Giáo viên AV	HTXS	2,26	-	-	2,26	-	-	2,26	-	-	1,80	19	23	0	23	11.819.574		
7	HUỖNH ANH TUẤN	P.Hiệu trưởng	HTXS	4,98	0,40	-	4,98	0,40	-	4,98	0,40	-	1,80	20	23	21	1	42.631.609		
8	HUỖNH CÔNG THIỆN	Giáo viên	HTXS	4,98	-	0,249	4,98	-	0,249	4,98	-	0,249	1,80	20	23	0	22	28.048.356		
9	HUYỄN PHÚ HIỀN	Giáo viên	HTT	4,98	-	0,548	4,98	-	0,548	4,98	-	0,548	1,44	20	23	0	22	23.720.895		
10	LÊ THỊ DIỄM HẰNG	Giáo viên	HTT	4,00	-	-	4,00	-	-	4,00	-	-	1,44	20	23	0	22	17.164.800		
11	LÊ THỊ ĐIỆP	Giáo viên	HTT	3,03	-	-	3,03	-	-	3,03	-	-	1,44	20	23	0		13.002.336		
12	LÊ THỊ NGỌC HUYỀN	Giáo viên AV	HTXS	3,99	-	-	3,99	-	-	3,99	-	-	1,80	20	23	0	22	21.402.360		
13	LÊ THỊ NGỌC TUYẾT	Giáo viên	HTXS	4,32	-	-	4,32	-	-	4,32	-	-	1,80	20	23	0	22	23.172.480		
14	NGÔ THỊ MAI	Giáo viên	HTT	4,32	-	-	4,32	-	-	4,32	-	-	1,44	20	23	0	22	18.537.984		
15	NGÔ THỊ NGỌC NGÂN	Giáo viên TB-TTVP	HTXS	3,66	0,20	-	3,66	0,20	-	3,66	0,20	-	1,80	20	23	20	2	30.116.422		
16	NGUYỄN ANH PHA	Giáo viên VT	HTXS	2,26	-	-	2,26	-	-	2,26	-	-	1,80	20	23	0	22	12.122.640		
17	NGUYỄN BÍCH HẢO	Giáo viên AN	HTT	3,66	-	-	3,66	-	-	3,66	-	-	1,44	20	23	0	22	15.705.792		
18	NGUYỄN MINH TÂM	Văn thư-TPVP	HTXS	2,06	-	-	2,06	-	-	2,06	-	-	1,80	20	23	22	0	16.574.760		
19	NGUYỄN QUỐC TUẤN	Giáo viên TDTT	HTXS	4,65	-	-	4,65	-	-	4,65	-	-	1,80	20	23	0	22	24.942.600		
20	NGUYỄN QUỲNH DIỄM HƯƠNG	Giáo viên	HTT	1,989	-	-	1,99	-	-	1,99	-	-	1,44	20	23	0	22	8.535.197		
21	NGUYỄN THÁI TRỌNG SỰ	Giáo viên TDTT	HTXS	2,72	-	-	2,72	-	-	2,72	-	-	1,80	20	23	0	22	14.590.080		
22	NGUYỄN THỊ HẢI	Giáo viên	HTT	4,89	-	0,2934	4,89	-	0,2934	4,89	-	0,293	1,44	20	23	0	22	22.243.006		
23	NGUYỄN THỊ HẰNG	Giáo viên -TTK3	HTXS	2,72	0,20	-	2,72	0,20	-	2,72	0,20	-	1,80	20	23	0	22	15.662.880		
24	NGUYỄN THỊ HỒNG DIỆP	Giáo viên	HTXS	4,98	-	0,349	4,98	-	0,3486	4,98	-	0,349	1,80	20	23	0	22	28.582.610		
25	NGUYỄN THỊ HỒNG NỤ	Giáo viên TPT	HTXS	3,46	-	-	3,46	-	-	3,46	-	-	1,80	20	23	6	16	21.090.273		

STT	Họ tên	Chức vụ	Phân loại đánh giá	Tháng 04			Tháng 05			Tháng 06			Hệ số điều chỉnh thu nhập	Ngày làm việc thực tế			Số ngày loại trừ không tính TNTT	Thành tiền	Ghi chú	Ký tên xác nhận
				Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung	Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung	Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung		T04	T05	T06				
A	B	C	D	1	2	3,000	5,00	6	7	9,00	10	11	13	14	15	16	17	18		
26	NGUYỄN THỊ KIM CHỈNH	Giáo viên	HTT	4,65	-	-	4,65	-	-	4,65	-	-	1,44	20	23	0	22	19.954.080		
27	NGUYỄN THỊ LỆ THU	Giáo viên	HTXS	4,98	-	0,398	4,98	-	0,3984	4,98	-	0,398	1,80	20	23	0	22	28.849.738		
28	NGUYỄN THỊ LỆ THỦY	Giáo viên	HTXS	3,46	-	-	3,46	-	-	3,46	-	-	1,80	20	23	0	22	18.559.440		
29	NGUYỄN THỊ LUYẾN	Giáo viên	HTT	4,89	-	0,293	4,89	-	0,2934	4,89	-	0,293	1,44	20	23	0	22	22.243.006		
30	NGUYỄN THỊ NGỌC DIỆP	Giáo viên	HTT	4,98	-	-	4,98	-	-	4,98	-	-	1,44	20	23	0	22	21.370.176		
31	NGUYỄN THỊ THANH LAN	Giáo viên	HTT	4,32	-	-	4,32	-	-	4,32	-	-	1,44	20	23	0	22	18.537.984		
32	NGUYỄN THỊ THANH NGỌC	Giáo viên	HTXS	3	-	-	3	-	-	3	-	-	1,80	20	23	0	22	16.092.000		
33	NGUYỄN THỊ THANH TÂM	Kế toán	HTXS	2,1	-	-	2,1	-	-	2,1	-	-	1,80	20	23	16	6	15.360.545		
34	NGUYỄN THỊ TUYẾT ANH	Giáo viên	HTXS	4,98	-	0,249	4,98	-	0,2490	4,98	-	0,249	1,80	20	23	0	22	28.048.356		
35	NGUYỄN THỊ TUYẾT NHUNG	Giáo viên	HTXS	4,98	-	-	4,98	-	-	4,98	-	-	1,80	20	23	0	22	26.712.720		
36	NGUYỄN THÚY ANH	NVPV-TPVP	HTT	3,26	0,15	-	3,26	0,15	-	3,26	0,15	-	1,44	20	23	19	3	20.951.784		
37	NGUYỄN TIẾT CAN	Giáo viên	HTT	4,98	-	0,299	4,98	-	0,2988	4,98	-	0,299	1,44	20	23	0	22	22.652.387		
38	NGUYỄN XUÂN ĐỨC	Giáo viên	HTT	3,66	-	-	3,66	-	-	3,66	-	-	1,44	20	23	0	22	15.705.792		
39	PHẠM HOÀI KHÁNH VY	Giáo viên	HTT	3,03	-	-	3,03	-	-	3,03	-	-	1,44	20	23	0	22	13.002.336		
40	PHẠM VŨ BÍCH HÀ	Giáo viên-TPK2	HTXS	2,72	0,15	-	2,72	0,15	-	2,72	0,15	-	1,80	20	23	0	22	15.394.680		
41	PHAN THỊ HÒA	P.Hiệu trưởng	HTT	3,99	0,40	-	3,99	0,40	-	3,99	0,40	-	1,44	20	23	22	0	28.257.552		
42	TÔ THỊ NGỌC LONG	Giáo viên-TPK1	HTXS	3,33	0,15	-	3,33	0,15	-	3,33	0,15	-	1,80	20	23	0	22	18.666.720		
43	TRẦN THỊ XUÂN HƯƠNG	Giáo viên-TTK2	HTT	2,72	0,20	-	2,72	0,20	-	2,72	0,20	-	1,44	20	23	0	22	12.530.304		
44	TRIỆU THỊ KIM OANH	Giáo viên TDTT	HTXS	2,46	-	-	2,46	-	-	2,46	-	-	1,80	20	23	0	22	13.195.440		
45	TRƯƠNG HOÀNG KHẢI	Giáo viên MT	HTXS	3,99	-	-	3,99	-	-	3,99	-	-	1,80	20	23	0	22	21.402.360		
46	VỖ THỊ THANH TUYỀN	Giáo viên - TTK1	HTT	3,66	0,20	-	3,66	0,20	-	3,66	0,20	-	1,44	20	23	0	22	16.564.032		
47	VỖ THỊ KIM NGÂN	Giáo viên - TTK5	HTXS	2,46	0,20	-	2,46	0,20	-	0	-	-	1,80	20	10	0	35	10.235.911		
48	VŨ THỊ THÙY DƯƠNG	Giáo viên	HTT	3,03	-	-	3,03	-	-	3,03	-	-	1,44	20	23	0	22	13.002.336		
TỔNG CỘNG				175,419	2,800	2,678	2,720	-	2,678	172,959	2,600	2,678	78,840	959	1.091	126	922	929.368.829		

Tổng số tiền (viết bằng chữ) : Tam trăm tám mươi triệu, không trăm năm mươi bảy nghìn, một trăm bốn mươi hai đồng.

Ngày 07 tháng 07 năm 2023

Lập biểu

Kế toán

Hiệu trưởng

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Thị Thanh Tâm

Nguyễn Ngọc Phương

Ghi chú:

- Số ngày làm việc bình thường trong tháng: Là số ngày phải đi làm theo quy định, trừ ngày nghỉ (không trừ Lễ, Tết)

STT	Họ tên	Chức vụ	Phân loại đánh giá	Tháng 04			Tháng 05			Tháng 06			Hệ số điều chỉnh thu nhập	Ngày làm việc thực tế			Số ngày loại trừ không tính TNTT	Thành tiền	Ghi chú	Ký tên xác nhận
				Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung	Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung	Hệ số lương	PC chức vụ	PC vượt khung		T04	T05	T06				
A	B	C	D	1	2	3,000	5,00	6	7	9,00	10	11	13	14	15	16	17	18		

- Cột S11, T11, U11: Sẽ thay đổi theo số ngày làm việc bình thường trong tháng
- Thí dụ: Số ngày làm việc bình thường của Tháng 09/2019 là 21 ngày, tính luôn ngày Lễ 2/9 (căn cứ tại Điểm a, b Khoản 1 Điều 115 Bộ Luật lao động 2012 quy định: Người lao động được nghỉ làm việc, hưởng nguyên lương trong những ngày lễ, tết
- Điểm a khoản 4 điều 14 Thông tư 47/2015/TT-BLĐTBXH hướng dẫn điểm c khoản 1 điều 22 Nghị định 05/2015/NĐ-CP quy định: Tiền lương ngày được trả cho một ngày làm việc xác định trên cơ sở tiền lương tháng chia cho số ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của pháp luật mà doanh nghiệp lựa chọn, nhưng tối đa không quá 26 ngày”
- **Cột 13, 18: Đã được cài công thức tính toán, các đơn vị không chỉnh sửa công thức.**

Tổng số ngày LV bình
thường trong tháng

65

65

65

0,42

8,7600

8,76

65

65

9,6000

9,6

65

14,9400

14,94

65

65

6,7800

6,78

NL

65

16,1400

16,14

65

15,6870

15,687

65

16,5834

16,5834

NL

65

65

65

11,9700

11,97

65

12,9600

12,96

65

12,9600

12,96

NL

65

11,5800

11,58

Nâng lương

65

6,7800

6,78

65

10,9800

10,98

65

65

13,9500

13,95

65

5,9670

5,967

65

8,1600

8,16

NL

65

15,5502

15,5502

65

24.645

8,7600

8,76

65

15,9858

15,9858

65

10,3800

10,38

Nâng lương

65

		0,42		
13,9500	13,95			65
16,1352	16,1352			65
10,3800	10,38			65
15,5502	15,5502			65
14,9400	14,94			65
12,9600	12,96			65
9,0000	9			65
6,3000	6,3			65
15,6870	15,687	NL		65
14,9400	14,94	Nâng lương		65
10,2300	10,23			65
15,8364	15,8364	NL		65
10,9800	10,98			65
9,0900	9,09			65
				65
				65
10,4400	10,44			65
8,7600	8,76	Nâng lương		65
7,3800	7,38			65
11,9700	11,97	NL		65
11,5800	11,58			65
				65
				65
				953.968.829

0,42